

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 27/7/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Mai

Thẩm phán: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh
2. Ông Nguyễn Khắc Viên
3. Bà Quách Thị Minh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/HS-ST, ngày 14/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 15/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn V, sinh ngày 10/8/1994 tại tỉnh Kon Tum

Trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Lai và bà Trịnh Thị Lâm; Gia đình bị cáo có 03 (ba) anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Có vợ là Lê Thị Hồng Hằng và có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân bị cáo: Ngày 24/06/2014, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2018 cho đến nay (Có mặt).

2. Nguyễn Phước T, sinh ngày 15/5/1998 tại tỉnh Kon Tum

Trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Nguyễn Phước Tú và bà Lê Thị Tuyết Nhung; Gia đình bị cáo có 03 (ba) anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2019 cho đến nay (Có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn V:** Ông Tạ Văn Nghiệp, Luật sư của Văn phòng luật sư Sài Gòn An Nghiệp, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: Số 52 Bà Triệu, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Có mặt)

- **Bị hại:**

+ Bà Nguyễn Thị Khánh, sinh năm 1947 (Có mặt)

Trú tại: Số 90 Hùng Vương, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T

+ Bà Trần Thị Kim Loan, sinh năm 1971 (Có mặt)

Trú tại: Số 58 Trần Hưng Đạo, phường Thắng lợi, thành phố T, tỉnh T

+ Ông Trần Văn Lưu, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú tại: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T

+ Ông Trần Đình Nghĩa, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đ, tỉnh T

+ Ông Trần Đình Trung, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã C, huyện Đ, tỉnh T

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Dương Công Hoàn, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố 3A, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T

+ Ông Trần Trung Bảo, sinh năm 1990 (Có mặt)

Trú tại: Tổ 2, ấp 8, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

+ Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh T

+ Ông Lê Hoài Thanh, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Plei Kần, huyện N, tỉnh T

+ Bà Lê Thị Mỹ, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Trú tại: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T

+ Ông Lê Văn Phương, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 28 Ngô Gia Tự, phường Duy Tân, thành phố T, tỉnh T

- **Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Thành Tâm, sinh năm 2001 (Có mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đ, tỉnh T

- + Ông Nguyễn Hoàng Phương, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đăk Hà, huyện H, tỉnh T
- + Ông Trần Văn Chung, sinh năm 1997 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh T
- + Ông Trần Thái Bảo, sinh năm 1979 (Có mặt)
Trú tại: Số 90 Hùng Vương, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T
- + Ông Đặng Quang Dũng, sinh năm 1969 (Vắng mặt)
Trú tại: Khối 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T
- + Châu Ngô Văn Thịnh, sinh ngày 23/11/2003. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1974 (Mẹ của Thịnh)
Cùng trú tại: Số 64 Nguyễn Huy Lung, thành phố T, tỉnh T (Cả hai đều có mặt)
- + Ông Phạm Văn Dương, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Trú tại: Khối 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T
- + Ông Nguyễn Công Toàn, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú tại: Khối 7, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh N
- + Ông Đặng Minh Quốc, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đ, tỉnh T
- + Ông Đặng Văn Thông, sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Đăk Đoát, xã Đ, huyện G, tỉnh T
- + Ông Nguyễn Thanh Quyết, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Trú tại: Khối phố Tân Phú, thị trấn Phú Thịnh, huyện N, tỉnh N.
- + Chị Trần Thị Lệ Thủy, sinh năm 1997 (Có mặt)
Trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Đ, tỉnh T
- + Chị Lê Thị Hồng Hằng, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Khối 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn V vay tiền và nợ nhiều người trên địa bàn. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Vũ đã lợi dụng sự tin tưởng, chủ quan của một số hộ kinh doanh trong lĩnh vực cho thuê xe ô tô tự lái, thông qua việc ký kết hợp đồng thuê tài sản, sau khi có được tài sản là những chiếc xe ô tô và những giấy tờ liên quan đến xe ô tô đã thuê làm giả các Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên mình, đưa ra thông tin gian dối để cầm cố

tài sản và chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 10/2018, Trần Văn V đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortune, BKS 82A-038.59 của bà Trần Thị Kim Loan.

Do quen biết với Nguyễn Văn Tuấn nên ngày 12/4/2018, Trần Văn V đã đưa ra thông tin cần thuê xe ô tô để làm phương tiện đi lại và làm ăn nhưng giấy phép lái xe của Vũ đã bị Công an thu giữ nên không thuê xe được, Vũ đã nhờ Nguyễn Văn Tuấn đi cùng để thuê xe ô tô tự lái, Tuấn đồng ý. Cả hai đến cơ sở kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái của bà Trần Thị Kim Loan (tại số nhà 58 Trần Hưng Đạo, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum). Tại đây, sau khi Tuấn đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái, bà Loan đã tin tưởng đồng ý ký hợp đồng cho thuê xe với nội dung: Bà Loan giao cho Tuấn xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortune, BKS 82A-038.59 cùng các giấy tờ có liên quan với giá 800.000đ/ngày, 10 - 15 ngày thanh toán tiền một lần. Sau khi ký hợp đồng thuê xe xong, Tuấn đã giao xe cùng toàn bộ giấy tờ cho Vũ sử dụng. Quá trình sử dụng xe, đến ngày 22/4/2018 bà Loan liên hệ với Tuấn để yêu cầu Tuấn trả tiền thuê xe, Tuấn thông báo cho Vũ biết nên Vũ đã trực tiếp gặp bà Loan trả tiền và Vũ cho bà Loan biết, Tuấn chỉ là người đứng ra thuê xe ô tô giùm Vũ, còn thực tế Vũ mới là người thuê xe và có trách nhiệm trả tiền; đồng thời Vũ đề nghị bà Loan đổi tên trong hợp đồng từ Tuấn sang cho Vũ nhưng bà Loan không đồng ý, sau đó cứ đến hạn trả tiền thì bà Loan đã liên hệ với Vũ để đòi tiền. Cũng tại thời điểm này do Vũ đang nợ 100.000.000đ của Trần Đình Trung và Trung đã đòi nợ Vũ. Do chưa có tiền trả nên Trung đề nghị Vũ làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 82A-038.59 mang tên Vũ để Vũ đi cầm cố, lấy tiền trả cho Trung và tiêu xài cá nhân. Vũ đồng ý và đưa chứng minh nhân dân của mình cùng toàn bộ giấy tờ xe có liên quan cho Trung. Sau vài ngày Trung đã đưa cho Vũ một Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 82A-038.59 số 006203 giả mang tên Trần Văn V. Vũ mua bảo hiểm dân sự bắt buộc. Ngày 03/8/2018 Vũ và Trung cùng đem xe ô tô BKS 82A-038.59 đến tiệm cầm đồ của bà Nguyễn Thị Khánh, Trung đứng ngoài còn Vũ vào nhà gặp bà Khánh, Vũ đã đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để thu mua nông sản và cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô làm giả trước đó và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô đều mang tên Trần Văn V để cầm cố xe ô tô BKS 82A-038.59. Bà Khánh kiểm tra thấy xe phù hợp với các giấy tờ, bà Khánh đã tin tưởng xe ô tô trên là của Vũ nên đã đồng ý cầm cố với số tiền 400.000.000đ, lãi suất 2.000đ/triệu/ngày, Vũ viết “*Giấy vay tiền*” với số tiền 400.000.000đ. Sau khi, lấy được tiền từ bà Khánh 400.000.000đ, Vũ đã trả nợ cho Trần Đình Trung 106.000.000đ (trong đó hơn 100.000.000đ là tiền Vũ nợ Trung trước đó và 6.000.000đ là tiền Vũ trả cho Trung để nhờ làm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả). Số tiền còn lại, Vũ dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 10/2018, do không thấy Vũ trả xe và trả tiền thuê xe và không liên lạc được với Vũ nên bà Loan đã tìm đến nhà bà Khánh và biết được Vũ đã thế chấp xe của mình để vay tiền nên làm đơn tố giác Trần Văn V.

Với các hành vi trên, Viện kiểm sát truy tố Vũ về các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174; tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự.

Lần thứ hai: Đối với xe ô tô BKS 43A-249.90 của anh Trần Văn Lưu:

Vào khoảng tháng 7/2018, Trần Văn V liên hệ với Phạm Văn Dương để thuê xe ô tô tự lái. Vì anh Dương đang cho khách thuê xe nên đã giới thiệu Vũ liên hệ với Trần Văn Lưu để thuê xe. Sau đó Vũ đã gặp anh Lưu và anh Lưu đã đồng ý cho thuê xe ô tô BKS 43A-249.90 với giá thỏa thuận 700.000đ/ngày cùng các giấy tờ liên quan cho Vũ. Quá trình sử dụng xe ô tô trên được 2 đến 3 ngày, Vũ đã nảy sinh ý định cầm cố xe để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Vũ đã liên hệ với anh Nguyễn Hoàng Phương để nhờ tìm nơi cầm cố xe. Khi anh Phương hỏi về nguồn gốc xe, thì Vũ đã đưa ra thông tin gian dối là xe do Vũ mới mua của một người ở Đà Nẵng, chưa có thời gian sang tên sở hữu. Với thông tin nêu trên Phương đã tin tưởng nên đã liên lạc hỏi Dương Công Hoàn để có cầm cố xe ô tô không, anh Hoàn đã hỏi lại Phương về nguồn gốc xe thì được Phương trả lời như thông tin Vũ đã đưa ra.

Khoảng 11 giờ ngày 07/7/2018, Vũ điều khiển xe ô tô BKS 43A-249.90 chở theo Trần Văn Chung (*sinh năm 1997, là em ruột của Vũ*) từ huyện Đền quán cà phê Đắc Ma (*thuộc khu vực tượng đài, thị trấn Đắc Hà, huyện Đắc Hà*). Chung ở ngoài, còn Vũ, Phương và Hoàn vào trong thỏa thuận về việc cầm cố xe ô tô. Sau khi xem xe và các giấy tờ, anh Hoàn hỏi Vũ về nguồn gốc xe thì được Vũ cho biết chiếc xe trên do Vũ mới mua của một người ở Đà Nẵng nhưng chưa kịp sang tên đổi chủ. Tin tưởng Vũ đưa ra là đúng sự thật nên anh Hoàn đã đồng ý cầm cố với số tiền 130.000.000đ, lãi xuất theo thỏa thuận, trong thời gian 15 ngày nếu Vũ không hoàn trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh thì Vũ có trách nhiệm làm hồ sơ để sang tên cho anh Hoàn được sở hữu xe ô tô trên. Vũ giao toàn bộ giấy tờ xe cho anh Hoàn và điền thông tin vào “*Giấy sang nhượng xe*” do anh Hoàn cung cấp. Sau khi, nhận 130.000.000đ của anh Hoàn, Vũ sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Đến khoảng tháng 10/2018, sau nhiều lần liên hệ với Vũ nhưng không liên lạc được, anh Lưu đã tìm hiểu và xác định được xe của mình đã bị Vũ cầm cố cho anh Hoàn nên đã làm đơn tố giác Trần Văn V.

Lần này Viện kiểm sát truy tố Vũ về các tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 175 BLHS và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Lần thứ ba: Đối với xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Pajero, BKS 82A-030.54 thuê của ông Lê Văn Phương.

Khoảng tháng 8/2018, Trần Văn V liên hệ với anh Lê Văn Phương để thuê xe ô tô tự lái, sau khi ký hợp đồng anh Phương đã giao cho Vũ chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Pajero, BKS 82A-030.54, với giá thỏa thuận 900.000đ/ngày, anh Phương đã giao xe và các giấy tờ liên quan cho Vũ. Sau hơn một tháng sử dụng xe, Vũ đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe để lấy tiền tiêu xài và đã liên hệ với

Trần Đình Trung nhờ Trung làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vũ, vài ngày sau Trần Đình Trung đã đưa cho Vũ giấy chứng nhận đăng ký xe giả và Trung lấy 6.000.000 đồng tiền công. Sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký xe giả, ngày 07/9/2018 Vũ điều khiển xe ô tô nói trên đến nhà bà Nguyễn Thị Khánh đưa ra thông tin gian dối là cần có tiền để làm ăn và đã đặt vấn đề cầm cố xe. Bà Khánh kiểm tra và đồng ý cầm cố với số tiền 350.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2000đ/triệu/ngày, trong thời hạn 30 ngày. Trần Văn V đã viết “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 07/9/2018.

Trong thời gian Vũ cầm cố xe ô tô trên cho bà Khánh thì anh Phương liên hệ nhiều lần với Vũ yêu cầu mang xe ô tô đến cho anh Phương. Để có xe đưa cho anh Phương, Vũ đã đến gặp bà Khánh và đưa ra thông tin gian dối là Vũ cần xe đi đám cưới ở Kon Tum và đặt vấn đề thuê lại chính chiếc xe ô tô mà Vũ đang cầm cố cho bà Khánh. Bà Khánh đã đồng ý nhưng không giao xe cho Vũ mà liên hệ với Đặng Quang Dũng nhờ Dũng điều khiển xe chở Vũ đi. Trưa ngày 03/10/2018, bà Khánh giao xe ô tô BKS 82A-030.54 cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho Dũng quản lý và điều khiển chở Vũ đi thành phố Kon Tum. Khi Dũng và Vũ đi thì còn có Nguyễn Thành Tâm điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Innova (*không rõ BKS*) đi cùng phía sau. Khi đến khu vực bến xe tỉnh Kon Tum. Vũ, Dũng và Tâm vào quán uống nước thì Vũ nói với Dũng là Vũ cần đưa xe ô tô BKS 82A-030.54 đi bảo dưỡng rồi chiều quay lại lấy xe và bảo Dũng điều khiển xe Innova mà Tâm đang điều khiển. Vì tin tưởng nên Dũng đã đồng ý, Vũ điều khiển xe ô tô BKS 82A-030.54 đến trả cho anh Phương. Sau đó, Dũng điều khiển xe Innova chở Vũ xuống Gia Lai để đón bạn, còn Tâm về lại huyện Đăk Tô. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, sau khi đón được Trần Đình Trung tại TP. PleiKu, trên đường về đến TP. Kon Tum, Dũng đề nghị Vũ liên hệ với anh Phương để lấy lại xe ô tô BKS 82A-030.54 về trả cho bà Khánh. Vũ đưa ra thông tin với Dũng là Gara sửa xe đóng cửa, sáng mai mới lấy được xe nên Dũng đã điều khiển xe Innova chở Vũ và Trung cùng về nhà bà Khánh. Bà Khánh đã yêu cầu Vũ và Dũng viết “*Bản cam kết*” đề ngày 03/10/2018 thể hiện nội dung cả hai cam đoan phải hoàn trả chiếc xe ô tô BKS 82A-030.54 trước ngày 04/10/2018 cho bà Khánh. Sau đó, Vũ bỏ trốn khỏi địa phương.

Với các hành vi trên Viện kiểm sát truy tố Vũ về các tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại các Điều 341 và Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi Vũ thuê xe ô tô BKS 82A-030.54 của Lê Văn Phương bằng hợp đồng theo quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng đã cầm cố cho bà Khánh lấy số tiền 350.000.000đ tiêu xài là có dấu hiệu của tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng đã trả lại cho chủ sở hữu là Lê Văn Phương vào ngày 03/10/2018 là trước thời điểm Cơ quan điều tra thụ lý tố giác của bà Khánh. Đồng thời, Lê Văn Phương không biết sự việc Vũ đã cầm cố xe ô tô của mình và quá trình điều tra, anh Phương không đơn tố giác Vũ. Do đó, hành vi của Vũ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên Viện kiểm sát không truy tố Vũ về hành vi này.

Lần thứ tư: Đối với xe ô tô nhãn hiệu VEAM, BKS 60C-329.55 của ông Trần Trung Bảo.

Xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM, BKS 60C-329.55 là tài sản thuộc sở hữu của Trần Trung Bảo (*sinh năm 1990; trú tại ấp 8, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai*). Quá trình sử dụng xe ô tô trên, anh Bảo đã đưa thông tin cần bán xe. Sau đó, Trần Đình Trung đã liên hệ với anh Bảo và thống nhất giá cả và cách thức thanh toán tiền mua xe ô tô trên. Ngày 18/9/2018, Trần Đình Trung rủ Nguyễn Thành Tâm đi cùng và Trung thuê Đặng Minh Quốc đi cùng để lái xe về Đắk Tô. Cả nhóm cùng đến nhà Bảo, tại đây Quốc và Tâm đứng ngoài, Trung và Bảo vào nhà trao đổi nội dung mua bán xe như đã thống nhất với nhau trước đó. Trung đồng ý mua chiếc xe ô tô trên với giá 400.000.000đ, bao gồm cả số tiền 353.000.000đ mà anh Bảo đang nợ ngân hàng tiền mua xe ô tô. Trung đã đưa cho Bảo 62.000.000đ (*trong đó, 47.000.000đ là số tiền chênh lệch, 15.000.000đ còn lại là số tiền Trung đưa trước cho Bảo để đóng tiền lãi cho ngân hàng tháng tiếp theo*). Quá trình mua bán, hai bên ký xác nhận tại “*Hợp đồng mua bán xe tải*” đề ngày 18/9/2018. Mua xe xong, Trung giao xe cho Quốc điều khiển về thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T và trả cho Quốc 2.000.000đ tiền công.

Quá trình điều tra Trần Văn V khai nhận, trong lần đi uống cà phê Vũ gặp Trung và Trung đã đòi nợ Vũ số tiền 180.000.000đ. Vì Vũ không có tiền trả nên Trung khởi xướng nội dung sẽ làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 60C-329.55 mang tên Trần Văn V để Vũ mang đi cầm cố, lấy tiền trả cho Trung, Vũ đã đồng ý. Vũ chỉ biết xe ô tô BKS 60C-329.55 Trung có được do mua trả góp của một người nào đó ở Đồng Nai hay TP. Hồ Chí Minh nhưng không biết việc mua bán cụ thể như thế nào. Một thời gian sau, Trung liên hệ lại với Vũ và giao xe ô tô tải trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô được làm giả thành BKS 82C-035.68 mang tên Trần Văn V.

Đến ngày 29/9/2018, Vũ mang chiếc xe tải nói trên cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Trần Văn V đến nhà bà Nguyễn Thị Khánh để tiếp tục cầm cố. Sau khi xem xe và giấy tờ liên quan, bà Khánh đã tin tưởng nên đồng ý cầm cố với số tiền 200.000.000đ, lãi suất 2.000/triệu/ngày. Quá trình cầm cố, Vũ có viết 01 giấy vay tiền. Sau khi nhận được tiền, Vũ trả cho Trung 180.000.000đ. Số tiền còn lại Vũ dùng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Vào kháng 10/2018, sau một thời gian dài không thấy Trần Đình Trung thực hiện theo các nghĩa vụ đối với ngân hàng Techcombank như đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán xe ô tô tải giữa Trung và Bảo. Đồng thời, Bảo đã liên lạc bằng điện thoại với Trung nhưng không liên lạc được nên Bảo tìm hiểu và xác định được, chiếc xe ô tô của mình đang bị cầm cố tại nhà bà Nguyễn Thị Khánh ở huyện Đ, tỉnh T nên đã làm đơn trình báo.

Với hành vi trên Viện kiểm sát truy tố Trần Văn V về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự và Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Đình Trung, Thông qua giao dịch dân sự ngay thẳng với Trần Trung Bảo bằng hợp đồng mua bán xe, Trung đã có được xe ô tô tải BKS 60C-329.55. Trong giao dịch này, Trung có nghĩa vụ phải hoàn tất khoản nợ ngân hàng từ việc Bảo mua xe ô tô nêu trên. Tuy nhiên, Trung đã khởi xướng việc làm giả biển số xe ô tô và

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vũ để Vũ cầm cố xe lấy tiền trả cho Trung. Hành vi của Trung đã vi phạm pháp luật. Ngoài ra, hành vi của Trung còn có dấu hiệu của tội làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; đồng thời, còn có dấu hiệu đồng phạm với vai trò khởi xướng, giúp sức để Vũ thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt 200.000.000đ của bà Nguyễn Thị Khánh. Hiện Trung đang bỏ trốn, chưa xác định được bị can Trung đang làm gì và ở đâu. Trung là bị can trong vụ án khác, do đó Cơ quan điều tra sẽ xử lý sau.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố Trần Văn V 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là: 1.080.000.000đ, trong đó chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Khánh 950.000.000đ, chiếm đoạt của Dương Công Hoàn 130.000.000đ; 02 lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền là: 798.040.000đ, trong đó xe của bà Trần Thị Kim Loan là 563.040.000đ, xe của Trần Văn Lưu là 235.000.000đ.

Lần thứ năm: Trần Văn V cùng Nguyễn Phước T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ, loại 16 chỗ, BKS 92B-014.54.

Trong thời gian bị cơ quan điều tra truy nã, vào sáng ngày 02/12/2018 thì Trần Đình Trung cho Vũ biết, Trung đang điều khiển xe ô tô BKS 92B-014.54 từ Tp. Hồ Chí Minh về tỉnh Kon Tum, sau đó sẽ đi ra Quảng Nam và rủ Vũ đi cùng. Nghe vậy, Vũ nảy sinh ý định là sẽ trộm cắp chiếc xe ô tô của Trung để bán hoặc cầm cố lấy tiền tiêu xài và Vũ rủ Nguyễn Phước T cùng đi ra Quảng Nam để cùng thực hiện việc trộm cắp xe ô tô trên với Vũ, đồng thời Vũ hứa hẹn sau khi trộm cắp được xe ô tô trên, Vũ sẽ chuộc lại điện thoại cho Tân mà Vũ đã cầm cố trước đó nên Tân đã đồng ý tham gia.

Sau khi, Vũ và Tân thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, khoảng 19 giờ cùng ngày, Vũ và Tân cùng đón xe Taxi đi từ Tp. Kon Tum đến huyện Đắk Tô. Khi đến địa phận khối 6, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, Vũ bảo Tân chờ ở ngoài, còn Vũ vào nhà lấy tiền trả tiền taxi. Tân đã chờ Vũ khoảng hơn hai giờ nhưng vẫn không thấy Vũ ra nên Tân đề nghị tài xế điều khiển xe về lại Tp. Kon Tum rồi trả tiền. Khi đến Tp. Kon Tum, Tân liên hệ hỏi mượn tiền của Nguyễn Thị Bích Hồng (*sinh năm 2003, trú tại 30 Trần Cao Vân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum*). Nhưng Hồng không có tiền nên Tân nợ tiền cước Taxi và Tân ở lại nhà của Ngô Văn Thịnh mà không đi cùng Vũ ra tỉnh Quảng Nam.

Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 03/12/2018, Trần Văn V đi ra Quốc lộ 14 để chờ Trung đến đón. Sau đó, Trung điều khiển xe BKS 92B-014.54 chở Vũ cùng Trần Đình Nghĩa (*bố Trung*); Nguyễn Thanh Quyết; Đinh Văn Thông cùng đi đến lán trại của ông Nghĩa (*thuộc địa phận thôn Rô, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam*). Trên đường đi, khoảng 09 giờ cùng ngày, Vũ mượn điện thoại của Trung liên lạc qua mạng xã hội (*Facebook*) nhắn tin cho Tân hỏi Tân đang ở đâu và để lại số điện thoại 0354206911 để Tân liên lạc cho Vũ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Tân đọc được nội dung tin nhắn của Vũ nên đã mượn điện thoại người thân của Thịnh để gọi lại cho Vũ. Sau khi gọi vào số điện thoại 0354206911 không liên lạc được, Tân đã gọi vào số 0359327418 (*là số điện thoại mà Vũ*

thường hay sử dụng trước đó) thì gặp được Vũ. Vũ đã thông báo nội dung: “*Trung đón tao lên trang trại ở Quảng Nam rồi, chỗ ông già nó ở, có gì nhớ giữ máy để tao gọi*”. Theo nội dung đã bàn bạc trước đó, Tân biết Vũ sẽ trộm cắp xe ô tô của Trung và mong muốn Vũ trộm được xe để cầm cố có tiền chuộc lại điện thoại cho mình nên khi trả lại điện thoại cho Thịnh, Tân còn dặn Thịnh khi nào có số máy lạ gọi tới thì đưa cho Tân nghe.

Sau khi đến rẫy của ông Nghĩa, thì mọi người có tổ chức uống rượu rồi đi ngủ. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 04/12/2018, lợi dụng mọi ngủ say. Vũ đã lén lút lấy chìa khóa xe ô tô BKS 92B-014.54 và ba lô của ông Nghĩa treo trên tường đem ra lục lấy giấy tờ xe; sau đó Vũ vào nơi Trung đang ngủ lấy điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V11j của Trung để trên đầu giường rồi Vũ điều khiển xe ô tô BKS 92B-014.54 ra đường hướng về Kon Tum. Sau khi, điều khiển xe ra tới đường, Vũ liền gọi điện ngay cho Tân thông báo là Vũ đã trộm cắp được xe ô tô của Trung và yêu cầu Tân giữ máy chờ Vũ về đến Kon Tum sẽ gọi.

Trên đường về Kon Tum, đến địa phận thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Vũ đã bán chiếc điện thoại di động trộm cắp được của Trung cho anh Nguyễn Công Toàn (*sinh năm 1986; trú tại khối 7, thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam*) được số tiền 3.200.000đ. Số tiền trên, Vũ dùng để đổ dầu cho xe ô tô và mua 01 chiếc đồng hồ (*nhãn hiệu OMEGA Deville No 0757*) tại huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum. Khi đến huyện N, tỉnh T, Vũ liên hệ và nhờ Lê Hoài Thanh (*sinh năm 1987; trú tại TDP 7, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum*) tìm nơi để cầm cố xe ô tô mà Vũ vừa trộm cắp được. Thanh giới thiệu Vũ đến tiệm cầm đồ của chị Nguyễn Thị Phương Trang, tại TDP 2, thị trấn Plei Kần, huyện N, tỉnh T. Tuy nhiên, sau khi xem giấy tờ xe, nhận thấy Vũ không phải là chủ sở hữu chiếc xe ô tô trên nên chị Trang đã không đồng ý nhận cầm cố. Do không cầm cố được xe nên sáng ngày 05/12/2018, Vũ tiếp tục điều khiển xe về thành phố Kon Tum để gặp Nguyễn Phước T. Cả hai cùng mang chiếc xe ô tô trên đi tìm nơi để tiêu thụ hoặc cầm cố thì bị lực lượng Công an phát hiện. Vũ đã bỏ trốn cho đến ngày ra đầu thú. Sau khi phát hiện bị mất tài sản là chiếc xe ô tô, ông Nghĩa đã làm đơn tố giác Vũ gửi đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Viện kiểm sát truy tố Vũ về tội “*Trộm cắp tài sản*” đối với chiếc xe ô tô và điện thoại, Nguyễn Phước T đồng phạm với Vũ về hành vi trộm chiếc xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Bản kết luận định giá tài sản số 20/VBKL ngày 19/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam kết luận: Tổng giá trị tài sản định giá tại thời điểm xảy ra vụ việc của xe ô tô BKS: 92B-014.54 của ông Trần Đình Nghĩa là 85.000.000 đồng.

- Bản kết luận định giá tài sản số 02/HDDGTS ngày 14/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam kết luận: Về giá trị tài sản định giá trong vụ án là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V11j của Trần Đình Trung loại màng hình cảm ứng, kích thước màng hình 6.3 inch là 7.500.000 đồng.

- Bản kết luận định giá số 06/KL - ĐG ngày 12/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Kon Tum kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô BKS: 82A-030.54 của Lê Văn Phương là 707.823.666 đồng.

- Bản kết luận định giá số 03/KL - ĐG ngày 09/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Kon Tum kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô BKS: 60C-329.55 của Trần Trung Bảo là 496.000.500 đồng.

- Bản kết luận định giá số 58/ĐG-TS ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô BKS: 82A-038.59 của bà Trần Thị Kim Loan là 563.040.000 đồng.

- Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL - ĐGTS ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh T kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại của xe ô tô BKS: 43A-249.90 của Trần Văn Lưu là 235.000.000 đồng (Các bút lục số 365 - 410; 849 - 854)

- Tại Kết luận giám định số 55/GĐTP-2019 ngày 06/06/2019 của phòng KTHS-Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

1/ Phôi giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” mang số 002842 đứng tên chủ xe Trần Văn V (BKS 82A-030.54) đề cấp ngày 27/05/2016(ký hiệu A01) với phôi giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” mang số 005154(ký hiệu M01) **là không phải cùng mẫu phôi.**

2/ Hình dấu tròn trên giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” mang số 002842 đứng tên chủ xe Trần Văn V đề cấp ngày 27/05/2016 (ký hiệu A01) với hình dấu tròn trên “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” ngày 28/11/2018(ký hiệu M02) **là không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

3/ Chữ ký đứng tên Nguyễn Công Tuấn trên giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” mang số 002842 đứng tên chủ xe Trần Văn V đề cấp ngày 27/05/2016(ký hiệu A01) với chữ ký của đồng chí Nguyễn Công Tuấn trên “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” ngày 28/11/2018(ký hiệu M02) **là không phải do cùng một người ký ra.**

4/ Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn V trên 05 tài liệu cần giám định(ký hiệu A02; A03; A04; A05; A06) với chữ viết, chữ ký của Trần Văn V trên 02 “BẢN TỰ KHAI” (ký hiệu M03; M04) **là do cùng một người viết ra.**

- Tại Kết luận giám định số 128/GĐTP-2018 ngày 13/12/2018 của phòng KTHS-Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

1/ Phôi giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” cần giám định mang số 006203 với phôi giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” mẫu so sánh số 005185 **là không phải cùng mẫu phôi.**

2/ Chữ ký đứng tên Nguyễn Công Tuấn trên giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” cần giám định mang số 006203 với chữ ký cùng tên do

phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Kon Tum cung cấp **là không phải do cùng một người ký ra.**

3/ Hình dấu tròn màu đỏ đóng trên giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” cần giám định mang số 006203 **là hình dấu được làm giả bằng hình thức in phun màu điện tử.**

- Tại Kết luận giám định số 87/KLGD ngày 27/12/2018 của phòng KTHS-Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

+ “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ”, số 062583(mẫu cần giám định ký hiệu A1) **là giả.**

+ 02(hai) biển số xe ô tô: 82C-035.68 (mẫu cần giám định ký hiệu A2 và A 3) với 02(hai) biển số xe ô tô: 82C-025.80 (mẫu so sánh ký hiệu **M3 và M4**) **là không phải do cùng một khuôn đúc dập in ra** (Bút lục số: 351 – 364).

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-P2 ngày 12/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Trần Văn V về các tội: “*Trộm cắp tài sản; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 4 Điều 174 ; khoản 4 Điều 175 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Phước T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng số 16/CT-VKS-P2 ngày 12/5/2020 và đề nghị tuyên xử :

- Bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phước T từ 02 đến 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/11/2019.

- Bị cáo Trần Văn V phạm các tội : “*Trộm cắp tài sản; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

+ Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”

+ Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 03 đến 04 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của cả 04 tội, bị cáo Trần Văn V phải chịu hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo Trần Văn V bồi thường cho bà Khánh tổng số tiền là 950.000.000đ, anh Dương Công Hoàn số tiền 130.000.000đ. Còn số tiền 7.500.000đ chiếc điện thoại của Trần Đình Trung thì Trung đang bỏ trốn trong một vụ án khác, không xác định được Trung có yêu cầu hay không nên cần tách phần này để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

Ngoài ra, yêu cầu xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có mặt giữ nguyên các lời khai trong quá trình điều tra.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức án phù hợp. Việc thực hiện một số hành vi của bị cáo do có sự khởi xướng của Trần Đình Trung đề nghị xem xét.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình từ giai đoạn điều tra đến phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 4/2018 đến tháng 10/2018, Trần Văn V đã thực hiện các hành vi phạm tội sau:

[2.1] Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thứ nhất: Ngày 12/4/2018, Trần Văn V nhờ Nguyễn Văn Tuấn thuê xe ô tô tự lái BKS 82A-038.59 của bà Trần Thị Kim Loan để sử dụng. Sau một thời gian, Vũ gặp Trần Đình Trung và theo lời đề nghị của Trung, Vũ đồng ý để Trung làm giả giấy tờ xe mang tên Trần Văn V để Vũ cầm cố lấy tiền trả cho Trung và tiêu xài. Đến ngày 03/8/2018 Vũ dùng giấy tờ giả xe ô tô trên đến tiệm cầm đồ của bà Nguyễn Thị Khánh, Vũ đã đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để thu mua nông sản, bà Khánh thấy xe phù hợp với các giấy tờ kèm theo đã tin tưởng xe ô tô là của Vũ, đồng ý cầm cố với số tiền 400.000.000đ. Kết luận giám định Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 82A-038.59 số 006203 mang tên Trần Văn V là giả và kết luận định giá xe ô tô trên có giá là 563.040.000đ.

Với hành vi trên thấy rằng: Khi Vũ có được tài sản là xe của bà Loan bằng hình thức hợp đồng hợp pháp, sau đó do lời đề nghị của Trung, Vũ nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối làm giả giấy tờ mang tên Vũ và đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để thu mua nông sản, cung cấp giấy tờ giả mang tên Trần Văn V để cầm cố xe với số tiền 400.000.000đ của bà Khánh. Với các hành vi đó đủ cơ sở để khẳng định Trần Văn V đã có hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” đối với bà Loan; “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bà Khánh và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 175, Điều 174, Điều 341 Bộ luật hình sự đúng như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố là có căn cứ.

[2.2] Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thứ hai: Khoảng đầu tháng 7/2018, Trần Văn V đã thuê xe ô tô của anh Trần Văn Lưu để sử dụng, đến ngày 07/7/2018 Vũ đến gặp Dương Công Hoàn và đưa ra thông tin xe do Vũ mới mua của một người ở Đà Nẵng nhưng chưa kịp sang tên đổi chủ để cầm cố xe với số tiền 130.000.000đ. Kết luận định giá xe của Trần Văn Lưu BKS: 43A-249.90 có giá 235.000.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Vũ khai rằng mục đích thuê xe của anh Lưu là để đi lại và đi được 2 đến 3 ngày do có người đòi nợ nên mới nảy sinh ý định cầm cố để trả nợ. Do vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” đối với anh Lưu như Viện kiểm sát đã truy tố.

Ngoài hành vi lạm dụng đối với anh Lưu, Viện kiểm sát còn truy tố Vũ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với anh Hoàn là chưa chính xác vì: Tuy Vũ có đưa ra thông tin gian dối với anh Hoàn nhưng hành vi chiếm đoạt xe ô tô của anh Lưu hoàn thành kể từ khi cầm cố cho anh Hoàn và dùng tiền cầm cố để tiêu xài, do vậy, việc cầm cố xe cho anh Hoàn chỉ là giao dịch dân sự.

[2.3] Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thứ ba: Tháng 8/2018, Trần Văn V thuê xe ô tô BKS 82A-030.54 của anh Lê Văn Phương, sau hơn một tháng sử dụng, Trần Văn V đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi Vũ đã liên hệ với Trần Đình Trung nhờ Trung làm giả giấy tờ mang tên Vũ. Ngày 07/9/2018, Vũ đến nhà bà Nguyễn Thị Khánh đưa ra thông tin gian dối là cần có tiền để làm ăn, bà Khánh tin tưởng cầm cố xe với số tiền 350.000.000đ. Sau đó anh Phương gọi cho Vũ cần lấy xe để đi bảo dưỡng, Vũ đã đến thuê lại chính xe

mà Vũ cầm cho bà Khánh và mang xe đó đi trả lại cho Phương. Kết luận giám định Giấy chứng nhận đăng ký xe số 002842 mang tên Trần Văn V là giả.

Với các hành vi sử dụng tài liệu giả để đưa ra thông tin gian dối đối với bà Khánh làm cho bà Khánh tin tưởng và đã đồng ý nhận cầm cố xe đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại các Điều 174 và 341 của Bộ luật hình sự như truy tố của viện kiểm sát là đúng quy định.

Đối với hành vi Vũ thuê xe ô tô của Lê Văn Phương bằng hợp đồng, sau đó đã cầm cố cho bà Khánh, nhưng Vũ đã trả lại cho chủ sở hữu là Lê Văn Phương vào ngày 03/10/2018, việc trả lại của Vũ là tự nguyện không bị ai ép buộc và trước thời điểm Cơ quan điều tra thụ lý tố giác của bà Khánh. Viện kiểm sát không truy tố Vũ về hành vi này là phù hợp vì xe của Phương thì Vũ đã trả lại và không có mục đích chiếm đoạt.

[2.4] Lần phạm tội thứ tư: Tháng 9/2018 Trần Đình Trung có mua xe ô tô BKS 60C-329.55 của Trần Trung Bảo, sau đó do Vũ đang nợ tiền của Trung nên Trung đề nghị Vũ làm giả giấy tờ xe mang tên Vũ để cầm cố. Khi Trung khởi xướng thì Vũ đồng ý, ngày 29/9/2018 Vũ mang ô tô nói trên cùng các giấy tờ giả mang tên Trần Văn V đến nhà bà Nguyễn Thị Khánh để cầm cố với số tiền 200.000.000đ. Kết luận giám định Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 82C-035.68 mang tên Trần Văn V là giả.

Với hành vi Vũ sử dụng giấy tờ xe giả, dùng thủ đoạn gian dối để bà Khánh tin tưởng và bà Khánh đã đồng ý cầm cố xe. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố Vũ về các tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại các Điều 341 và 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Như vậy, Trần Văn V đã **03 lần** thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tổng số tiền là **950.000.000đ** của bà Nguyễn Thị Khánh; Trần Văn V **02 lần** thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản **tổng số tiền là 798.040.000đ** gồm: 01 xe ô tô của bà Trần Thị Kim Loan trị giá 563.040.000đ và 01 xe ô tô của anh Trần Văn Lưu trị giá 235.000.000đ. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Trần Văn V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” để chiếm đoạt tài sản, theo Công văn 212 ngày 13/9/2019 và Công văn 233 ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm vào 02 khách thể khác nhau nên có đủ các yếu tố cấu thành hai tội. Do đó, Vũ đã ba lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội theo khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định.

[2.5] Lần phạm tội thứ năm: Trong thời gian bị cơ quan điều tra truy nã, vào sáng ngày 02/12/2018 Vũ cùng Nguyễn Phước T ra huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam để trộm xe ô tô của Trần Đình Trung (Xe BKS 92B-014.54). Hai

người cùng nhau đi đến huyện Đăk tô, sau đó Tân quay về thành phố Kon Tum. Quá trình một mình Vũ đi đến Quảng Nam thì Vũ và Tân vẫn giữ liên lạc cũng như thông báo cho nhau. Lúc 01 giờ sáng ngày 04/12/2018, lợi dụng những người trong lán trại của ông Nghĩa đã ngủ say, Vũ đã lén lút trộm xe ô tô BKS 92B-014.54 (Xe này ông Nghĩa mua của một người khác chưa sang tên) và một điện thoại di động hiệu Vivo V11j của Trung, khi lấy được xe Vũ đã liên lạc với Tân sau đó mang xe về Kon Tum và cùng nhau đi tiêu thụ thì bị bắt. Xe ô tô trên có giá là 85.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại của Trần Đình Trung hiệu Vivo V11j là 7.500.000 đồng, tổng tài sản mà Vũ Trộm cắp là 92.500.000đ.

Với hành vi trên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố Trần Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Phước T, tuy không trực tiếp tham gia cùng Vũ thực hiện hành vi trộm cắp xe ô tô. Nhưng giữa Vũ và Tân đã có sự bàn bạc thống nhất từ trước, đồng thời giữa Vũ và Tân giữ liên lạc trong suốt quá trình Vũ thực hiện hành vi trộm cắp, Tân đã cùng Vũ đi tìm cách tiêu thụ tài sản trước khi bị phát hiện. Do đó, Hành vi của Tân đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với vai trò đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần đối với xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với chiếc điện thoại Vũ trộm chưa lấy được lời khai của Trung, nhưng Vũ đã xác định điện thoại này là của Trung vì đi trên xe ô tô Vũ mượn chiếc điện thoại này để nhắn tin với Tân. Ngoài ra, những người làm chứng Đặng Văn Thông và Nguyễn Thanh Quyết khai tại hồ sơ cũng đã xác định chiếc điện thoại này là của Trung. Do đó, buộc Vũ phải chịu trách nhiệm về hành vi này là đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật bảo vệ là quyền sở hữu tài sản của người khác, riêng hành vi của Vũ còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết việc làm của mình trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện để lợi ích cá nhân. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Phước T đóng vai trò thứ yếu giúp sức về mặt tinh thần và chỉ chịu trách nhiệm đối với xe của ông Nghĩa nên cần xem xét khi lượng hình.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng cho các bị cáo được hưởng.

Đối với bị cáo Vũ trong quá trình phạm tội Vũ đã bỏ trốn và bị truy nã đến ngày 14/12/2018 Vũ đã ra đầu thú nên áp dụng tình tiết khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tân không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Vũ đã 03 lần thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 02 lần “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, 03 lần “*Sử dụng tài liệu*

giả của cơ quan tổ chức”. Cần áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, Trần Văn V có nhân thân xấu, ngày 29/08/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh T xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, các hành vi phạm tội để xử phạt các bị cáo mức án phù hợp, tương xứng với các hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định thì các bị cáo còn có thể bị xử phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều không có tài sản gì, nghề nghiệp không ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Khánh yêu cầu bị cáo Trần Văn V bồi thường tổng số tiền là 950.000.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của bà Khánh có căn cứ nên buộc bị cáo Vũ phải bồi thường cho bà Khánh.

Đối với anh Dương Công Hoàn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 130.000.000đ là có căn cứ, yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh Hoàn.

Đối với 01 chiếc điện thoại hiệu Vivo V11j có giá 7.500.000 đồng mà Vũ đã trộm cắp của Trần Đình Trung. Trong quá trình điều tra không thu được chiếc điện thoại, Trần Đình Trung đang bỏ trốn trong một vụ án khác, không xác định được Trung có yêu cầu bị cáo Vũ bồi thường hay không nên cần tách phần này để giải quyết bằng vụ án dân sự khi Trung có yêu cầu.

Về những chiếc xe ô tô liên quan đến ông Trần Đình Nghĩa, Lê Văn Phương, Trần Trung Bảo, Trần Thị Kim Loan, Trần Văn Lưu các chủ sở hữu đã nhận lại xe, không ai yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Trong vụ án còn có những người liên quan như:

Nguyễn Văn Tuấn: Vì tin tưởng thông tin Vũ đưa ra tại thời điểm Vũ nhờ Tuấn đứng ra thuê xe ô tô tự lái cho Vũ là có thật nên đã đồng ý đi thỏa thuận, ký hợp đồng thuê xe của bà Loan. Tuy nhiên, sau đó, bà Loan biết thực tế Vũ là người thuê xe và thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê xe; đồng thời, giữa Vũ và Tuấn không có sự bàn bạc cũng như Tuấn không biết mục đích thuê xe của Vũ nhằm mục đích phạm tội. Do đó, hành vi của Tuấn không cấu thành tội là phù hợp.

Đối với Trần Đình Trung: Trung Là bị can trong vụ án đã bị khởi tố, Trần Đình Trung đã bỏ trốn khỏi địa phương, hiện nay chưa xác định được Trung đang làm gì, ở đâu. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục, điều tra làm rõ và xử lý sau.

Nguyễn Hoàng Phương: Không bàn bạc với Vũ, cũng như không biết được ý thức chiếm đoạt của Vũ nên hành vi của Phương không cấu thành tội phạm với vai trò đồng phạm với Vũ. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phương là có cơ sở.

Đối với Trần Văn Chung: Khi giữa Vũ, Phương và Hoàn tiến hành giao dịch việc cầm cố xe ô tô, thì Chung không biết, không tham gia. Đồng thời, giữa Chung và

Vũ không trao đổi, bàn bạc về nội dung liên quan đến chiếc xe 43A-249.90. Do đó, hành vi của Chung không cấu thành tội phạm với vai trò đồng phạm với Vũ.

Đối với Đặng Quang Dũng: Dũng là người được bà Nguyễn Thị Khánh giao và quản lý xe ô tô BKS 82A-030.54 để chở Vũ đi Kon Tum đám cưới. Quá trình sử dụng xe Dũng đã tin tưởng thông tin Vũ đưa ra là thật nên đã giao xe ô tô cho Vũ với mục đích là đi bảo dưỡng xe. Giữa Dũng và Vũ không có sự bàn bạc, thỏa thuận về việc cùng lừa dối bà Khánh để lấy lại xe trả cho anh Phương. Do đó, Cơ quan điều tra đã không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với Dũng là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thành Tâm: Tâm khai đã cùng Trung vào Đồng Nai để mua xe ô tô BKS 60C-329.55. Tuy nhiên, quá trình thỏa thuận giữa Trung và Bảo, Tâm không biết. Đồng thời, Tâm khai việc đã phụ Trung tháo Biển số xe, bóc gỡ đề can biển kiểm soát và phù hiệu trên thành xe và là người trực tiếp đi đặt cắt đề can biển số là theo yêu cầu của Trung. Tâm không biết Trung làm giả biển kiểm soát và cũng không biết việc Vũ được sự đồng ý của Trung đã cầm cố chiếc xe ô tô tải trên để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ của bà Nguyễn Thị Khánh. Hơn nữa, chưa có lời khai của Trung về nội dung này nên chưa có cơ sở xác định trách nhiệm hình sự của Tâm trong vụ án này.

[8] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra thu giữ các vật chứng xét thấy:

- Một bộ kiểm soát xe ô tô số 82C-035.68 (gồm một biển số dài và một biển số ngắn) Vũ dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên liên quan đến vụ án Trần Đình Trung đang điều tra. Do đó, giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum giữ để phục vụ cho quá trình điều tra vụ án Trần Đình Trung.

- Một ví da màu đen bên ngoài có chữ ARMANI, bên trong không có gì của Vũ nên trả lại cho Vũ

- Một chiếc đồng hồ hiệu OMEGA deville No 0757 bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng. Đây là tài sản Vũ dùng tiền phạm tội mà có để mua nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Một USB nhãn hiệu Sandisk màu đỏ, dung lượng 8GB bên trong có chứa 02 File dữ liệu điện tử được trích xuất từ Camera gia đình. Cụ thể như sau: File thứ nhất có dung lượng 78,6MB; File thứ hai có dung lượng 78,6MB. Xét thấy USB này không phải của ông Lê Quang Lâm mà trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã dùng để sao các file trích xuất từ Camera gia đình nên trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum.

- Về những giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe số 062583, số 002842, số 006203 là giả mang tên Trần Văn V. Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số AD17/ 0178838 của Công ty CP bảo hiểm Hàng không (*Bản chính*). Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 180015436 của Công ty CP bảo hiểm Bưu điện (*Bản chính*). Xét thấy, những giấy tờ này liên quan đến vụ án của Trần Đình Trung đang điều tra nên xét thấy cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án để phục vụ cho quá trình điều tra khi cần thiết.

- Đối với chứng minh nhân dân của Lê Hoài Thanh, cơ quan điều tra đã trả lại cho Thanh là phù hợp.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Phước T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ. Riêng bị cáo Trần Văn V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 1.080.000.000 cụ thể: $36.000.000đ + 3\% \times (1.080.000.000đ - 800.000.000đ) = 44.400.000đ$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phước T 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/11/2019.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm các tội :“*Trộm cắp tài sản; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

+ Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 03 (Ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”

+ Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 14 (Mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 13 (Mười ba) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng: Khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 04 (Bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của 04 tội, bị cáo Trần Văn V phải chịu hình phạt chung là **30 (Ba mươi) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/12/2018).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Khánh số tiền 950.000.000đ (Chín trăm năm mươi triệu đồng) và anh Dương Công Hoàn số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chấp hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

- Trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum:

Một USB nhãn hiệu Sandisk màu đỏ, dung lượng 8GB bên trong có chứa 02 File dữ liệu điện tử được trích xuất từ Camera gia đình. Cụ thể như sau: File thứ nhất có dung lượng 78,6MB; File thứ hai có dung lượng 78,6MB

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: Một chiếc đồng hồ hiệu OMEGA deville No 0757 bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng kèm hóa đơn đề ngày 04/12/2018.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn V 01 ví da màu đen bên ngoài có chữ ARMANI

- Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum giữ một bộ kiểm soát xe ô tô số 82C-035.68 (gồm một biển số dài và một biển số ngắn).

(Tất cả các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum)

- Lưu theo hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận đăng ký xe số 062583, số 002842, số 006203 là giả mang tên Trần Văn V. Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số AD17/ 0178838 của Công ty CP bảo hiểm Hàng không (*Bản chính*). Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 180015436 của Công ty CP bảo hiểm Bưu điện (*Bản chính*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 44.400.000đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2020), các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh KT;
- Phòng THAHS, HSNV CA tỉnh KT;
- Cục THADS tỉnh KT;
- Trại tạm giam CA tỉnh KT;
- UBND xã Kon Đào;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

